

Bản án số: 33/2023/HSST

Ngày 19/9/2023

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị D

-Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Phương L

Ông Nguyễn Văn L

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị G – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 30/2023/HSST, ngày 25 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Ksor Ô, sinh năm 1997 tại huyện K, tỉnh G; Trú tại: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kpã P, sinh năm 1972 và bà Ksor S, sinh năm 1973; Tiền án: 02 tiền án, ngày 14/12/2017 bị Tòa án nhân dân huyện K tuyên phạt 27 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 16/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện K tuyên phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt là 06 năm 03 tháng tù, ngày 30/10/2021 bị cáo chấp hành xong hình phạt; Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 15/6/2023, đến ngày 23/6/2023 chuyển sang tạm giam và giam liên tục cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1998; trú tại: Thôn M, xã C, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

-*Người bào chữa cho bị cáo Ksor Ô:* Ông Bùi Quang T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Ksor L, sinh năm 2002; trú tại: Buôn C, xã U, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Người làm chứng:* Chị Rơ Mah P, sinh năm 1998; Trú tại: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh G. Có mặt

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Anh Nay Dăm T, sinh năm 1986; Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện K, tỉnh G. Có mặt

NHẬN THẤY:

Khoảng 22 giờ 00 ngày 14/6/2023, Ksor Ô điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81T1-229.55 chở Ksor L, sinh năm 2002, trú tại buôn C, xã U đến buôn Đ, xã C, K chơi. Khi đến đoạn Thôn M, Chư R, Ksor L nhìn thấy trước hiên nhà chị Nguyễn Thị Minh T có 01 chiếc máy bơm nước không có người trông coi. Ksor L rủ Ksor Ô lấy chiếc máy bơm nước và được Ksor Ô đồng ý. Ksor Ô điều khiển xe quay lại. Khi đến nhà chị T, Ksor Ô dừng xe trước nhà, Ksor L đi bộ vào dùng hai tay ôm máy bơm khiêng ra ngoài, để lên yên sau xe mô tô, Ksor L ngồi sau ôm chiếc máy bơm nước. Lúc này camera nhà Chị Nguyễn Thị Minh T báo hiệu, chị T kiểm tra camera phát hiện bị mất máy bơm nên báo Công an xã C. Sau khi rời khỏi nhà chị T, Ksor Ô chạy xe về nhà mình, Ksor L đào một cái hố lấp máy bơm nước trong vườn nhà Ksor Ô cất giấu. Đến sáng ngày 15/6/2023, Công an huyện K ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Ksor Ô, tại Cơ quan điều tra, Ksor Ô đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng với Ksor L.

Đối với Ksor L tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.200.000 đồng. Vì vậy, hành vi không cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 BLHS. Tuy nhiên hành vi của Ksor L đã vi phạm pháp luật hành chính về trật tự công cộng đã xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 144/2021/NĐ-CP với mức phạt 2.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12/KL- HDDGTS ngày 22/6/2023 của HDDGTS trong tổ tụng hình sự huyện K, kết luận: chiếc máy bơm nước, loại bơm chìm, không có nhãn hiệu, máy bơm 03 pha, vỏ máy bằng kim loại, đầu máy bơm có gắn 01 đoạn dây điện vỏ màu đen, chiều cao 56cm, thân máy bơm hình trụ tròn có đường kính 16cm, máy bơm mua cũ vào tháng 5/2023, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá 1.200.000đồng.

Vật chứng vụ án:

-01 (một) chiếc máy bơm nước, loại bơm chìm, không có nhãn hiệu đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Minh T;

-01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại xe Satria, màu trắng đỏ, biển kiểm soát 81T1-229.55, số khung: MH8DL11AZKJ184136, số máy CGA11D184123 đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Rơ Mah P.

Về dân sự: Người bị hại không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên không xem xét xử lý.

Bản cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Ksor Ô về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Ksor Ô về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS: xử phạt bị cáo Ksor Ô từ 07 tháng đến 09 tháng tù.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo: đồng ý với bản luận tội của đại diện VKSND huyện Krông Pa về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, đề nghị HĐXX xử bị cáo mức thấp nhất mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Về án phí, xét miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo: Khoảng 22 giờ 00 ngày 14/6/2023, Ksor Ô và Ksor L có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc máy bơm trị giá 1.200.000 đồng của chị Nguyễn Thị Minh T, tại Thôn M, xã C, huyện K.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Ksor Ô đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình

phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Ksor Ô về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] *Về tình tiết định khung tăng nặng:* Bị cáo có 02 tiền án, ngày 14/12/2017 bị Tòa án nhân dân huyện K tuyên phạt 27 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 16/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện K tuyên phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt là 06 năm 03 tháng tù, ngày 30/10/2021 bị cáo chấp hành xong hình phạt, nhưng chưa được xóa án tích mà bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới. Giá trị chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, nhưng bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS, là có căn cứ.

[4] *Về tính chất, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:*

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi lén lút tiếp cận và chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác là hành vi vi phạm pháp luật.

Tuy nhiên, vì ham chơi bời, lêu lổng, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nhưng lại lười lao động mà muốn hưởng thành quả trên sức lao động của người khác. Bản thân bị cáo đã có tiền án, đã chấp hành xong hình phạt, nhưng khi trở về địa phương sinh sống lại không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục bước vào con đường phạm tội. Qua đó thấy được sự coi thường pháp luật, ý thức rèn luyện bản thân của bị cáo không có. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải được xét xử nghiêm theo quy định của pháp luật mới đảm bảo tính trừng trị, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trên địa bàn huyện Krông Pa. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn; bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ và nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS mà bị cáo được hưởng.

Do đó, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị của người bào chữa về các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Đối với Ksor L tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.200.000 đồng. Vì vậy, hành vi không cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 BLHS. Tuy nhiên hành vi của Ksor L đã vi phạm pháp luật hành chính về trật tự công cộng nên bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 144/2021/NĐ-CP với mức phạt 2.500.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại không yêu cầu bồi thường về dân sự, nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về án phí:* Bị cáo không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.
 Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ksor Ô phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Ksor Ô 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 15/6/2023.

2. Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày tuyên án (19/9/2023); người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND h. Krông Pa (02 bản);
- Công an h. Krông Pa (01 bản);
- Bị cáo; bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Lê Thị D

